

Bản án số: 65/2024/HS-PT

Ngày: 02/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hà

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hải Vinh.

ông Đặng Văn Quyết.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Trịnh Đình Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị T-
Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/TLPT-HS ngày 06/02/2024. đối với **Bùi Thị P** và **Nguyễn Thị M** do có kháng cáo của bị hại **Trần Thị T1** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 100/2023/HSST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

* *Các bị cáo:*

1. Họ và tên: **Bùi Thị P**, sinh năm 1993; tên gọi khác: không; giới tính: nữ.

Nơi sinh: **thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 12/12; Đảng chính quyền, đoàn thể: không; con ông **Bùi Văn H** và con bà **Lê Thị S**; gia đình bị cáo: có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; chồng **Nguyễn Văn T2**; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: chưa có.

- Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1999.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; tên gọi khác: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; con ông: **Nguyễn Văn H1**; con bà: **Lê Thị L**; gia đình bị cáo có

03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chồng **Lương Văn C**, bị cáo: chưa có con.

- Tiền án, tiền sự: chưa có.

- Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư **Vũ Văn X** và **Nguyễn Thị L1** - Công ty **L3** chi nhánh **B** (có mặt).

***Bị hại có kháng cáo:** bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi ĐKTT: **thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

Nơi cư trú: **thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: **thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

2. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

3. Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

4. Anh **Lê Ngọc Á**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

5. Anh **Nguyễn Xuân T3**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: **thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2022 ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1976 và bà **Lê Thị L**, sinh năm 1976 ở **thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang** được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho ly hôn. Đến ngày 14/11/2022, ông **Nguyễn Văn H1** làm rạp tổ chức sinh nhật và đám cưới với bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1976 ở **thôn Đ, xã T, huyện L** nhưng **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1999 (là con gái ông **H1**, bà **L** đã đi lấy chồng và ở cùng thôn ông **H1**) không đồng ý vì **M** cho rằng ông **H1** chưa ly hôn với bà **L**. Theo **M** khai do buồn chán việc ông **H1** cưới bà **T1** nên khoảng 12 giờ cùng ngày Mai đến nhà anh **Lê Văn N**, sinh năm 1980 ở **thôn T, xã V, huyện L** (là cậu ruột) chơi, nói chuyện. Khi **M** đang ở nhà anh **N** thì bà **Lê Thị S**, sinh năm 1973, trú tại **thôn Đ, xã T, huyện L** (là bác ruột) điện hỏi sự việc. **M** kể lại việc ông **H1** tổ chức đám cưới với bà **T1** cho bà **S** nghe. Qua nói chuyện bà **S** thấy **M** buồn, khóc nên bảo **Bùi Thị P**, sinh năm 1993, trú tại **thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội** (là con gái) chở bà đến nhà anh **N**. Khoảng 10 phút sau bà **S** đến nhà anh **N** nói chuyện với **M** thì **M** đi ra sân nói “Con về con chết ở giữa nhà cho bố con hỏi hận”, rồi **M** ra lấy xe đi về, bà **S** và **P** đi sau. Khi **M** đi ra đến cổng thì gặp anh **Lê Ngọc Á**, sinh năm 1992 chở sau anh **Nguyễn Xuân T3**, sinh năm 1990 cùng ở **thôn T, xã V, huyện L** (**Á** là anh họ, còn **T3** là em họ **M**). Thấy **M** khóc, anh **Á** hỏi thì **M** nói việc ông **H1** tổ chức đám cưới với bà **T1** nên giờ

M về chết cho ông H1 xem. Sau đó M, anh Ánh, anh T3, bà S và P lần lượt đi đến nhà ông H1. Theo M khai khoảng hơn 14 giờ cùng ngày Mai đến nhà ông H1, ông H1 hỏi “mày đến đây làm gì”, rồi ông H1 cầm thanh sắt dài khoảng 40 cm đuôi M và mọi người nên anh Ánh vào giằng co, xô đẩy với ông H1. Khi giằng co anh Ánh dùng tay đánh vào người ông H1 rồi cả hai ngã xuống mặt sân, anh T3, M cũng lao vào giữ tay ông H1. Khi đó bà T1 vào kéo M ra, lúc này P và bà S cũng đi xe đến. Do bức tức nên M, P lao vào dùng tay đánh bà T1 thì chị Trần Thị H2, sinh năm 1978 ở thôn Đ, xã V, huyện L vào can ngăn, thấy vậy bà S vào lôi chị H2 ra chỗ khác. M và P tiếp tục dùng tay đánh bà T1 rồi M, P cầm chân váy của bà T1 kéo về phía mình. P dùng hai tay kéo, lật chân váy của bà T1 qua ngang bụng làm hở quần con, còn M cầm chân váy, giữ tay bà T1. Tiếp đó, P một tay kéo giữ chân váy, một tay cầm cặp quần con phía sau của bà T1 kéo xuống thì bà T1 xoay người (mặt đối mặt với P) lấy tay giữ quần con của mình. Lúc này P một tay vẫn cầm chân váy kéo qua ngang bụng để lộ quần con và tiếp tục cùng M dùng tay đánh bà T1 nhiều lần, sau đó bà T1 ngồi xuống bám giữ được chân cột của rạp, P bỏ tay khỏi chân váy và cùng M túm tóc, dùng chân tay đánh bà T1, một lúc thì bỏ ra.

Về phía ông H1 sau khi vùng thoát khỏi anh Ánh, anh T3 thì chạy ra vườn lấy một con dao cầm quay lại sân thì anh Ánh, anh T3, bà S, M và P đi ra công rồi lên xe đi về. Sau đó ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị T1 làm đơn trình báo, giao nộp: 01 đĩa DVD-R, nhãn hiệu Maxell, màu cam bên trong chứa video ghi lại diễn biến vụ việc ngày 14/11/2022; 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng, bị rách ống tay áo và tà áo; 01 chân váy ngắn, màu đen bằng chất liệu vải cotton, bị rách; 01 chiếc quần con (quần lót) nữ bằng vải cotton bị rách và 01 tấm ảnh cưới loại ảnh ép gỗ mi ca, kích thước (90x60) cm bị gãy, vỡ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trưng cầu giám định video do ông H1 giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 2389/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 (một) file video có tên “8001893843455864943.mp4”; dung lượng: 27,3MB; thời lượng: 02 phút 49 giây được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam; Trích xuất được 12 (mười hai) hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc có trong các file video gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 1298/KL-KTHS ngày 17/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Nội dung cuộc hội thoại trong 01 (một) file video có tên “8001893843455864943.mp4”; dung lượng: 27,3MB; thời lượng: 02 phút 49 giây được xác định ra văn bản có giọng nam, giọng nữ cãi chửi nhau.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1135/22/TgT ngày 30/12/2022 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B, kết luận thương tích của chị Trần Thị T1: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0%. Không xác định được cơ chế, vật gây thương tích.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1136/22/TgT ngày 30/12/2022 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B, kết luận thương tích

của anh Nguyễn Văn H1: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0%. Không xác định được cơ chế, vật gây thương tích.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05a ngày 26/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng, đã qua sử dụng, được mua mới từ tháng 11/2022, bị rách ống tay áo và tà áo (rách theo đường chỉ may). C may vá lại thành tiền: 50.000 đồng; 01 (một) chiếc chân váy ngắn, màu đen bằng chất liệu vải cotton, đã qua sử dụng, được mua mới từ tháng 11/2022, bị rách (rách theo đường chỉ may). C may vá lại thành tiền: 40.000 đồng; 01 (một) chiếc quần lót nữ bằng vải caton, đã qua sử dụng, được mua mới từ tháng 11/2022, bị rách. Thành tiền: 30.000 đồng; 01 (một) tấm ảnh cưới loại ảnh ép gỗ mica, kích thước (90x60)cm được làm mới từ tháng 11/2022, thành tiền: 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.620.000 đồng.

Đối với bà S, anh Ánh, anh T3 không được bàn bạc trước, không giúp sức gì cho M, P thực hiện hành vi làm nhục đối với bà T1; Bị can P, M, bà S, anh Ánh, anh T3 có hành vi đánh ông H1, bà T1, làm hư hỏng chân váy, quần lót của bà T1, làm rách áo sơ mi của ông H1. Kết quả điều tra xác định tỷ lệ thương tích của bà T1, ông H1 là 0% và trị giá tài sản bị hư hỏng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi nêu trên của P, M, bà S, anh Ánh, anh T3 không cấu thành tội phạm. Công an huyện L đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Quá trình điều tra ông H1 còn khai thấy anh Ánh là người đập hỏng tấm ảnh cưới có trị giá 1.500.000 đồng nhưng ngoài lời khai của ông H1 không còn tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng: 01 (một) chiếc áo sơ mi dài tay, màu trắng, bị rách ống tay áo và tà áo; 01 (một) chân váy ngắn, màu đen bằng chất liệu vải cotton, bị rách; 01 (một) chiếc quần lót nữ bằng vải caton bị rách và 01 (một) tấm ảnh cưới loại ảnh ép gỗ mica, kích thước (90x60)cm bị gãy, vỡ Cơ quan điều tra Công an huyện L chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị T1 yêu cầu bị cáo M, P cùng bà S, anh Ánh bồi thường số tiền 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu bị cáo M, P cùng bà S, anh Ánh, anh T4, anh N bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Hiện các bên chưa thỏa thuận được việc bồi thường.

Bản Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Bùi Thị Phượng và Nguyễn Thị Mai về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

*Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 100/2023/HSST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Về hình phạt:

Căn cứ: khoản 1 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo Bùi Thị P 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước về tội “Làm nhục người khác”.

Căn cứ khoản 1 Điều 155, điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị

cáo Nguyễn Thị M 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước về tội “ Làm nhục người khác”.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo P, bị cáo M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị T1 tiền chi phí khám bệnh tiền mất ngày công thu nhập, tiền mất danh dự uy tín, tiền hư hỏng về tài sản. Tổng là 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng). Trong đó bị cáo Bùi Thị P đã nộp 1.300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000711 ngày 01/12/2023 của Chi cục THADS huyện L, bị cáo Nguyễn Thị M đã nộp 700.000đ theo biên lai thu tiền số 0000712 ngày 01/12/2023 của Chi cục THADS huyện L). Bị cáo P, bị cáo M còn phải tiếp tục bồi thường 6.700.000đ (Trong đó mỗi bị cáo 3.350.000đ)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 29/12/2023 bị hại Trần Thị T1 kháng cáo. Nội dung kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung bản án, cụ thể: tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự, tăng mức hình phạt chính lên mức cao hơn, xem xét lại tội danh đối với bị cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Trần T1 trình bày: bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, về tội danh bà không đồng ý với bản án sơ thẩm, các hành vi của các bị cáo côn đồ hung hãn, có tổ chức đánh người, hành động cũng như mọi hành vi đều có bàn bạc gây phá hoại tài sản, gây mất trật tự an ninh khu vực, mà Tòa án sơ thẩm chỉ áp dụng một tội danh là làm nhục người khác theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự là còn bỏ lọt tội danh cũng như thiếu trách nhiệm trong khi làm tố tụng và bỏ lọt một số tội danh của bị cáo. Bà kháng cáo hình thức xử phạt đối với các bị cáo quá nhẹ, không đủ sức để giáo dục tội phạm đối với người phạm tội và đồng bọn, đề nghị xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù giam; mức bồi thường quá thấp so với quy định của pháp luật khi bà bị đánh làm nhục nên tổn thất về tinh thần 1 cách trầm trọng, bà đề nghị bồi thường tổn hại sức khỏe 03 tháng là 50 triệu đồng, danh dự nhân phẩm 30 triệu đồng, tiền mất thu nhập của bà 1 tháng/ 7 triệu x 3 tháng là 21 triệu đồng, tiền thuốc men 22 triệu đồng, tiền hủy hoại tài sản của bà và gia đình là 8 triệu đồng, tổng bà đề nghị là 131 triệu đồng. Bà đề nghị xem xét hành vi của những người tham gia đánh bà là bà S, anh A, anh T3.

Bị cáo Bùi Thị P trình bày: bị cáo xác định bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai; bị cáo không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T1. Do bà T1 có kháng cáo nên bà chưa thực hiện việc bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị cáo cũng xin lỗi bà T1 vì một phút nông nổi mà bị cáo đã có hành vi không đúng đối với bà T1.

Bị cáo Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: do đến ngày dự sinh con đầu lòng, đang theo dõi nên sức khỏe không đảm bảo để tham gia phiên tòa phúc thẩm nên bị cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến

hành xét xử vắng mặt bị cáo và bị cáo xin giữ nguyên toàn bộ các lời khai trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn H1** trình bày: bị cáo trình bày chưa đúng với sự thật của vụ án, các bị cáo có tổ chức đến nhà ông đánh ông và bà **T1**.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận và đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Trần Thị T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí: bị hại **Trần Thị T1** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo: bị cáo **P** không có ý kiến tranh luận gì.

- Bị hại tranh luận: bà không đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Giữ nguyên quan điểm kháng cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo **P** không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị hại đã được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: bị cáo **Nguyễn Thị M** có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do chính đáng, bị cáo đến ngày sinh con đầu lòng, việc vắng mặt bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo **M** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét hành vi của các bị cáo: lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: khoảng 14 giờ ngày 14/11/2022, tại khu vực sân của gia đình ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1976 ở **thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang**, **Bùi Thị P**, **Nguyễn Thị M** có hành vi dùng chân, tay đánh rồi tóc váy, kéo quần con, mục đích để làm nhục bà **Trần Thị T1**. Hành vi của **P**, **M** đã xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của bà **T1**. Các dấu vết để lại tại hiện trường vụ án, được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản quản lý đồ vật tài liệu, biên bản nhận diện người qua video, cùng toàn bộ các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của bị cáo **P** bị cáo **M** làm bà **T1** bị xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm nên đủ đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản án sơ thẩm số 100/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử các bị cáo về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

Bị hại cho rằng án sơ thẩm xử không đúng tội danh là không có căn cứ.

[4]. Xét nội dung kháng cáo tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự, tăng mức hình phạt chính và xem xét hành vi của những người có liên quan, HĐXX thấy:

[4.1]. Về tính chất hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa chung.

[4.2]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo **P**, **M** chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền vào cơ quan Thi hành án để khắc phục hậu quả nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo **M** đang có thai nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Án sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận định nhân thân của các bị cáo và xử phạt bị cáo **Bùi Thị P** 15.000.000đ, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M** 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước về tội “Làm nhục người khác” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, tình tiết nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo xin tăng nặng hình phạt lên 03 năm tù và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự cho các bị cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt của các bị cáo là “phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm” và mức bồi thường là phù hợp với quy định tại các Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 592 Bộ luật dân sự, nên không có căn cứ tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với các bị cáo.

[4.3]. Bà **T1** cho rằng còn bỏ lọt những người khác có hành vi hành hung đối với bà, Hội đồng xét xử xét thấy: đối với bà **S**, anh **T3** không được bàn bạc trước, không giúp sức gì cho **M**, **P** thực hiện hành vi làm nhục đối với bà **T1**. Bà **S**, anh **T3** có hành vi đánh ông **H1**, bà **T1**, làm hư hỏng chân váy, quần lót của bà **T1**,

làm rách áo sơ mi của ông **H1**. Kết quả điều tra xác định thương tích của bà **T1**, ông **H1** là 0% và trị giá tài sản bị hư hỏng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi nêu trên bà **S**, anh Ánh, anh **T3** không cấu thành tội phạm. Công an huyện **L** đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Quá trình điều tra ông **H1** còn khai thấy anh Ánh là người đập hỏng tấm ảnh cưới có trị giá 1.500.000đồng nhưng ngoài lời khai của ông **H1** không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, kháng cáo của bà **T1** yêu cầu khởi tố đối với những người đánh bà là không có căn cứ.

Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Nguyễn Thị T5**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

[5]. Về án phí: do kháng cáo của bị hại **Trần Thị T1** không được chấp nhận, nên bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 100/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 27; Điều 135; Điều 136; Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: bị cáo **Bùi Thị P** 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước về tội “Làm nhục người khác”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 155, điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị M** 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước về tội “Làm nhục người khác”.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **P**, bị cáo **M** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại **Trần Thị T1** tiền chi phí khám bệnh, tiền mất ngày công thu nhập, tiền mất danh dự, uy tín, tiền hư hỏng về tài sản. Tổng là 8.700.000đồng (tám triệu bảy trăm ngàn đồng). Trong đó, bị cáo **Bùi Thị P** đã nộp 1.300.000đồng theo biên lai số 0000711 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, bị cáo **M** đã nộp 700.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Bị cáo **P**, bị cáo **M** còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 6.700.000đồng (trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường 3.350.000đồng).

4. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị hại **Trần Thị T1** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- CA, VKS, TA huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh Đặng Văn Quyết

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh Nguyễn Gia L2

Trần Thị H3

